

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2021

*V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Đức Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Lê Liêm**

2. Ông: **Lê Thanh Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Lệ Quyên** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà **Đông Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn và Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T** - sinh năm 1991

Địa chỉ: tổ dân phố Phúc Thành, phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q** - sinh năm 1984

Địa chỉ: tổ 10, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị **Phạm Thị T** trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh **Nguyễn Văn Q** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc có đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2011 tại UBND phường Đoàn Kết, thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu), tỉnh Lai

Châu. Chị và anh Q sau khi cưới được một thời gian ngắn sống hoà thuận, nhưng do không tìm được tiếng nói chung nên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2012. Đến nay, xác định không còn tình cảm với anh Q, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của hai người không thể kéo dài thêm nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- *Về con chung*: Chị và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Thuỳ D (sinh ngày 18/3/2012) và cháu Nguyễn Phạm Thành T1 (sinh ngày 01/10/2017) hiện nay chị đang chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q trợ cấp nuôi con chung.

- *Về chia tài sản*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải lần 1:

- *Về hôn nhân*: thống nhất như lời khai của chị T. Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, sau đó năm 2012 chị T về làm việc tại tổ dân phố Phúc Thành, Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam, còn anh vẫn sinh sống tại Lai Châu. Do cuộc sống xa cách nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, khi chị T làm đơn xin ly hôn, anh đã thuyết phục nhưng chị T không nhất trí, anh cũng nhất trí việc ly hôn.

- *Về con chung*: Nhất trí như lời khai của chị T. Anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Thuỳ D (sinh ngày 18/3/2012) và cháu Nguyễn Phạm Thành T1 (sinh ngày 01/10/2017) hiện nay chị T đang chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Phạm Thuỳ D và chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Thành T1, không bên nào trợ cấp nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có nên không đề cập giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập cháu Nguyễn Phạm Thuỳ D (sinh ngày 18/3/2012) con chung của chị T và anh Q. Trong biên bản lấy lời khai (BL41) cháu D cho biết cháu ở với mẹ từ nhỏ, bố mẹ cháu không sống cùng nhau và có ý kiến xin được tiếp tục ở với mẹ là chị Phạm Thị T khi bố mẹ ly hôn.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú của anh Q (BL47) thể hiện: Anh Q có HKTT tại tổ 10, phường Đoàn Kết và chung sống cùng bố mẹ; có vợ là Phạm Thị T, tuy nhiên đã từ lâu không thấy anh Q chung sống cùng vợ và con; vợ con anh Q không đăng ký HKTT tại đây; Hiện tại anh Q không có công ăn việc làm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa thực hiện đảm bảo theo quy định.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71/BLTTDS.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72/BLTTDS: Anh Q không có mặt tại phiên họp ngày 12/4 và 19/4; không có mặt tại phiên tòa ngày 11/5/2021 và phiên tòa ngày 08/6/2021 khi đã được triệu tập hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh Q.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Thuỳ D sinh ngày 18/3/2012 và cháu Nguyễn Phạm Thành T1 sinh ngày 01/10/2017 cho chị Thu trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); chị T không yêu cầu cấp dưỡng. Anh Q có quyền thăm nom con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị T, anh Q không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: **Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.**

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q có HKTT và chỗ ở tại tổ 10, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (BL29 và BL30-33). Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu là phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khi Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lần thứ hai, bị đơn anh Q được triệu tập hợp lệ (hai lần) nhưng vắng mặt không có lý do dẫn đến Phiên họp ngày 12/4/2021 và 19/4/2021 không thực hiện được. Tòa án lập biên bản, ra Thông báo kết quả phiên họp, tổng đạt cho bị đơn và ra Q định đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định tại Điều 207, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải lần 1 anh Q nhất trí ly hôn. Tuy nhiên sau đó trong các lần triệu tập tiếp theo và tại phiên tòa anh Q vắng mặt không có lý do. Vì vậy không có căn cứ áp dụng Điều 55 Luật HN&GD công nhận thuận tình ly hôn.

Ngày 11/5/2021 Toà án tiến hành mở phiên toà xét xử, bị đơn anh Q được triệu tập hợp lệ tuy nhiên vắng mặt không có lý do, HĐXX hoãn phiên toà và ấn định thời gian mở lại phiên toà theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 233/BLTTDS. Tại phiên toà hôm nay anh Q vắng mặt không có lý do, HĐXX tiếp tục xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227/BLTTDS

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2011 tại UBND phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân của chị T, anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống tại thành phố Lai Châu, sau đó do bất đồng quan điểm sống năm 2012 chị T chuyển về tổ dân phố Phúc Thành, phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam sinh sống, cả hai không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ đó đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã trầm trọng. Xét thấy hai vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, cuộc sống chung không có, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Đến nay, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Thuỳ D (sinh ngày 18/3/2012) và cháu Nguyễn Phạm Thành T1 (sinh ngày 01/10/2017) hiện nay chị T đang chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng cháu T1 không phải con chung của anh chị, chị T giao nộp Kết quả phân tích AND huyết thống (BL51), Kết quả này đã được sao gửi cho anh Q và được đưa ra trong phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ lần hai, tuy nhiên anh Q vắng mặt và cũng không có ý kiến xác nhận việc lấy mẫu xác định huyết thống và không có tài liệu nào khác chứng minh có trong hồ sơ nên không có căn cứ chấp nhận kết quả này. Mặt khác trong giấy khai sinh của cháu T1 thể hiện họ tên cha là Nguyễn Văn Q (BL07), cháu sinh ra trong quá trình hôn nhân của anh Q và chị T vẫn tồn tại vì vậy HĐXX xác định cháu T1 là con chung hợp pháp của chị T và anh Q. Trường hợp cần truy nhận cha cho con sau này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Trong biên bản lấy lời khai của cháu D (BL41) thể hiện nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ.

Xét điều kiện kinh tế và các điều kiện khác để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung: anh Q chung sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ 10, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, hiện nay theo xác minh của tổ dân phố thì anh không có công ăn việc làm. Chị T là công nhân công ty TNHH hệ thống dây dẫn SUMI Việt Nam, có trụ sở tại tỉnh Hà Nam (có xác nhận của công ty) và có thu nhập ổn định.

Vì lý do đã phân tích ở trên HĐXX xét thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 81/Luật HN&GD giao con chung cho chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung nên không xem xét.

[4] *Về chia tài sản*: chị T, anh Q đều xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phạm Thuỳ D (sinh ngày 18/3/2012) và cháu Nguyễn Phạm Thành T1 (sinh ngày 01/10/2017) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn Q không phải trợ cấp nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000547 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Tp Lai Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA Tp Lai Châu;
- UBND P.Đoàn Kết, Tp Lai Châu;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Long